

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo/ hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo/ hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN CẨM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Trưởng ban chỉ đạo giảm nghèo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo/ hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm trên địa bàn xã Sơn Cẩm.

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo, Thống kê và các công chức cấp xã liên quan, Trưởng 16 xóm và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- UBND thành phố;
- Phòng LĐTBXH thành phố;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Sỹ Bình

DANH SÁCH
Hộ nghèo, hộ cận nghèo/ hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo
định kỳ hằng năm

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UB ngày tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sơn Cẩm.)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (ghi theo thứ tự thôn/tổ)
A.	Hộ nghèo/ thoát nghèo			
I	Hộ nghèo			
1	Nguyễn Thị Bích	Nữ	20/10/1962	Xóm 6
2	Nguyễn Thị Thái	Nữ	01/01/1959	Xóm 8
3	Lý Lan Anh	Nữ	11/7/2000	Xóm 8
4	Đỗ Thị Hà	Nữ	15/2/1969	Xóm Đồng Danh
5	Trương Thị Hồng	Nữ	27/11/1953	Xóm Đồng Xe
6	Nguyễn Thị Hà	Nữ	01/07/1960	Xóm Hiệp Lực
7	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	15/9/1975	Xóm Hiệp Lực
8	Dương Thị Lư	Nữ	20/12/1949	Xóm Quang Trung
9	Nguyễn Văn Thanh	Nam	10/10/1939	Xóm Táo
10	Đặng Thị Thu	Nữ	4/2/1933	Xóm Thanh Trà 1
11	Dương Thị Man	Nữ	20/8/1945	Xóm Thanh Trà 1
12	Lý Thị Vòng	Nữ	12/10/1949	Xóm Thanh Trà 1
II	Hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo			
III	Hộ nghèo phát sinh mới			
1	Nguyễn Thị Nhâm	Nữ	22/3/1982	Xóm 8
	Tổng hộ nghèo I + II + III = 13			
IV	Hộ thoát nghèo (vượt chuẩn cận nghèo) = 03 hộ			
1	Trần Văn Lợi	Nam	23/7/1970	Xóm 8
2	Nguyễn Thị Minh	Nữ	18/1/1954	Xóm Thanh Trà 2

3	Hoàng Văn Thắng	Nam	10/3/1992	Xóm 8
B.	Hộ cận nghèo/ thoát cận nghèo			
I	Hộ cận nghèo			
1	Phạm Thị Lan	Nữ	20/1/1972	Xóm 6
2	Đặng Ngọc Lan	Nam	20/1/1933	Xóm 6
3	Nguyễn Thị Giang	Nữ	01/05/1945	Xóm Bến Giềng
4	Nguyễn Thị Phước	Nữ	01/05/1939	Xóm Bến Giềng
5	Lưu Thị Huyền	Nữ	3/9/1983	Xóm Cao Sơn 2
6	Lê Thị Hoàn	Nữ	24/12/1987	Xóm Cao Sơn 2
7	Vũ Thành Long	Nam	5/8/2005	Xóm Cao Sơn 2
8	Trần Thanh Phúc	Nữ	14/7/1979	Xóm Cao Sơn 2
9	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	10/7/1957	Xóm Cao Sơn 5
10	Ngô Hồng Thái	Nam	5/9/1946	Xóm Quang Trung
11	Kiều Thị Bình	Nữ	20/8/1958	Xóm Quang Trung
12	Lý Thị Hương	Nữ	4/11/1964	Xóm Quang Trung
13	Chu Thị Hiền	Nữ	26/4/1961	Xóm Quang Trung
14	Ngô Xuân Tám	Nam	23/1/1976	Xóm Quang Trung
15	Lê Thị Minh	Nữ	2/4/1970	Xóm Thanh Trà 1
16	Nguyễn Văn Đáp	Nam	20/4/1979	Xóm Thanh Trà 1
II	Hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo			
1	Lý Thị Hương	Nữ	4/6/1977	Xóm Đồng Xe
2	Nguyễn Thị Mười	Nữ	20/8/1979	Xóm Bến Giềng
3	Đào Thị Thái	Nữ	01/01/1953	Xóm Bến Giềng
III	Hộ cận nghèo phát sinh			
1	Trình Thị Hạnh	Nữ	11/2/1977	Xóm Cao Sơn 2
IV	Hộ cận nghèo thoát cận nghèo			
	Tổng hộ cận nghèo I +II+III+VI = 20			
	Tổng cộng (A +B) = 36			

PHỤ LỤC

DANH SÁCH

Hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình thường xuyên hằng năm

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UB

ngày tháng ... năm 20 ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (1).)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (ghi theo thứ tự thôn/tổ)
1	Nguyễn Văn A			
2	Nguyễn Văn B			
3			